

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CAO LÃNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 27/7/2021

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Trương Trường Chinh**.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Phạm Phước Tâm**.

2. Ông **Trần Văn Bé Hai**.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Đào Kim Xoa** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 27 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: **91/2021/TLST-HNGĐ** ngày 02 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **164/2021/QĐXXST-DS** ngày 17 tháng 6 năm 2021; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Lê Văn H** - sinh năm 1985,  
Địa chỉ: Ấp AB, xã MH, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Chị **Nguyễn Thị Diễm T** - sinh năm 1985,  
Địa chỉ: Ấp 3, xã BS, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

*(Các đương sự vắng mặt và đều có đơn xin xét xử vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/01/2021, các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn anh Lê Văn H bày như sau:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn H và chị Nguyễn Thị Diễm T tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân từ năm 2006, vợ chồng có đăng ký kết hôn vào ngày 30/3/2006 tại Ủy ban nhân dân xã MH, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung với nhau tại ấp 3, xã BS, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp, thời gian đầu cuộc sống chung rất hạnh phúc, sau khoảng 10 năm thì vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Anh cũng đã cố tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được do chị T không muốn hòa hợp làm cho mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng mà đến nay không thể hàn gắn được. Nay vợ chồng đã không còn sống chung, anh đã về nhà cha mẹ ruột ở ấp AB, xã MH, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp sinh sống từ đầu

tháng 03/2020 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và không thể tiếp tục sống chung được nữa nên anh H yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Diễm T.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Nguyễn Thu N - sinh ngày 24/01/2007, con chung hiện đang sống với chị T. Khi ly hôn, anh đồng ý giao con chung cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; anh không cấp dưỡng nuôi con do chị T không có yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Tại văn bản ngày 06/7/2021, bị đơn chị Nguyễn Thị Diễm T trình bày như sau:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị thống nhất với lời trình bày của anh H về quan hệ hôn nhân. Nay tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh H.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Nguyễn Thu N - sinh ngày 24/01/2007, con chung hiện đang sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung; chị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã cung cấp tài liệu, chứng cứ là bản sao giấy chứng nhận kết hôn và bản sao giấy khai sinh con chung tên Lê Nguyễn Thu N; Tòa án đã thông báo cho bị đơn biết các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp nhưng bị đơn vẫn không có ý kiến gì.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến của bị đơn, Hội đồng xét xử nhận định;

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về thẩm quyền giải quyết vụ án, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Bị đơn chị **Nguyễn Thị Diễm T** hiện đang cư trú tại xã Ba Sao, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn anh Lê Văn H và bị đơn chị Nguyễn Thị Diễm T đều có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh H và chị T.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 21, quyển số 01 ngày 30/3/2006 của Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hội, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân của anh Lê Văn H và chị Nguyễn Thị Diễm T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành giải thích, hòa giải, động viên anh H để đoàn tụ gia đình, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên, anh H cho rằng do mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài và trở nên trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, không thể đoàn tụ được, nên anh H vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với chị T. Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Diễm T, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng chị T không đến tham dự. Như vậy đã cho thấy chị T đã bỏ mặc, không còn quan tâm đến mối quan hệ vợ chồng với anh H; đồng thời, chị T cũng đã có văn bản ý kiến đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh H.

Hội đồng xét xử nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị T có tồn tại mâu thuẫn, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, không đạt được mục đích như quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình nên không thể kéo dài. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, yêu cầu của anh H về việc xin ly hôn với chị T là có cơ sở để chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Anh H và chị T thống nhất có 01 con chung tên Lê Nguyễn Thu N - sinh ngày 24/01/2007, con chung hiện đang sống với chị T. Khi ly hôn, anh H và chị T thống nhất giao con chung cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; anh H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không có yêu cầu.

Xét thấy sự thỏa thuận giữa anh H và chị T là phù hợp với nguyện vọng của con chung, cũng như để đảm bảo cho con chung ổn định cuộc sống, có điều kiện phát triển tốt nhất về mọi mặt nên căn cứ quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận về nuôi con giữa anh H và chị T.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh H và chị T đều thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; anh Lê Văn H phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Lê Văn H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn H được ly hôn với chị Nguyễn Thị Diễm T.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của anh H và chị T; chị Nguyễn Thị Diễm T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Nguyễn Thu N - sinh ngày 24/01/2007, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh H và chị T thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng anh Lê Văn H phải chịu, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng mà anh H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012260 ngày 26/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp; như vậy anh H đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND HCL;
- Đương sự;
- Tòa án Tỉnh;
- CC THADS HCL;
- UBND xã Mỹ Hội, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Trương Trường Chinh**